

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN VĂN - KHỐI 12
TỪ 27/09/2021 ĐẾN 02/10/2021

Tuần	Tiết	Bài/ Chủ đề	Nội dung
4 27/09/2021 đến 01/10/2021	10	Chủ đề 1: Luyện tập viết văn nghị luận <i>Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt</i>	LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT I. LUYỆN TẬP TRÊN LỚP * Kiến thức cơ bản về phương thức biểu đạt: - 6 phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận và hành chính – công vụ. - Đặc điểm: + Tự sự: Thuật lại diễn biến các sự việc + Miêu tả: tái hiện đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng. + Biểu cảm: bày tỏ tình cảm, cảm xúc, cảm tưởng về sự vật hiện tượng + Thuyết minh: giới thiệu đối tượng với những thông tin chính xác, khách quan + Hành chính – công vụ: trình bày theo khuôn mẫu chung và có tính pháp lý. * Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận: 1. Thực hiện các yêu cầu: (SGK/ trang 158) a. Nếu chỉ nghị luận đơn thuần thì bài viết sẽ khô khan. Để tránh nhược điểm này, trong các bài viết nghị luận ta cần đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả để giúp cho các luận điểm, luận cứ của mình thêm phần cụ thể, sắc nhọn và thuyết phục hơn. b. Việc vận dụng các phương thức biểu đạt thực sự có tác dụng nâng cao hiệu quả nghị luận khi nó xuất phát từ đòi hỏi của mục đích và nội dung nghị luận (trong bài văn nghị luận thì phương thức biểu đạt nghị luận phải giữ vai trò chủ đạo, là phương thức chính). <u>Ví dụ:</u> “Trái đất là ngôi nhà chung của nhân loại. Ngôi nhà chung của nhân loại cần được bảo vệ. Muốn bảo vệ ngôi nhà chung ấy thì phải bảo vệ môi trường. Mỗi người, mỗi dân tộc phải cùng nhau giữ cho <u>nguồn nước ao hồ, sông biển được trong sạch, bầu khí quyển được trong lành, rừng không bị đốt phá, muôn thú không bị săn bắt bừa bãi.</u> Giữ gìn và khai thác tài nguyên một cách hợp lý, bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn của mỗi quốc gia. <u>Hãy cùng nhau gìn giữ ngôi nhà chung của chúng ta luôn xanh, sạch, đẹp !</u>”

		2. Đưa yếu tố thuyết minh vào bài văn nghị luận: - Đoạn trích là một văn bản nghị luận về vấn đề: Có nên chỉ đưa vào chỉ số GDP để đánh giá thu nhập hàng năm của người dân VN hay không hay cần tính tới chỉ số GNP nữa? - Tuy nhiên văn bản nghị luận này còn có sự tham gia của yếu tố thuyết minh. Yếu tố đó hiện diện rõ rệt nhất trong những kiến thức mà tác giả cung cấp cho người đọc về GDP, GNP. - Yếu tố thuyết minh đã hỗ trợ đắc lực cho bàn luận của tác giả, vì nó đưa những tri thức khách quan, khoa học và mới mẻ giúp người đọc có thể hiểu biết chính xác và rõ ràng hơn về vấn đề kinh tế xã hội đang được nêu ra thảo luận. II. GHI NHỚ (SGK/ trang 161) III. LUYỆN TẬP Ở NHÀ Viết một đoạn văn nghị luận ngắn để chia sẻ về lối sống có trách nhiệm của thanh niên trong tình hình dịch Covid hiện nay.
10	Chủ đề 1: Luyện tập viết văn nghị luận (tiếp theo) <i>Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận</i>	LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN I. LUYỆN TẬP TRÊN LỚP 1. Ôn tập về các thao tác lập luận và những đặc trưng cơ bản của thao tác lập luận - <i>Thao tác lập luận phân tích:</i> chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo. - <i>Thao tác lập luận so sánh:</i> Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng sự vật khác quen thuộc hơn, cụ thể hơn để chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa chúng. - <i>Thao tác lập luận giải thích:</i> là giảng giải về các vấn đề liên quan đến đối tượng một cách cụ thể, rõ ràng cho người nghe, người đọc hiểu tường tận. - <i>Thao tác lập luận chứng minh:</i> Mục đích của chứng minh là làm người ta tin tưởng về những ý kiến, nhận xét có đầy đủ căn cứ từ trong những sự thật hoặc chân lý hiển nhiên. - <i>Thao tác lập luận bác bỏ:</i> Chính là dùng lý lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe. - <i>Thao tác lập luận bình luận:</i> Nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng trong đời sống hoặc trong văn học. 2. Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập

		luận. - Các thao tác lập luận trong đoạn trích <i>Tuyên ngôn độc lập</i>: + Thao tác lập luận phân tích. + Thao tác lập luận chứng minh. + Thao tác lập luận bình luận. - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích. 3. Viết bài văn nghị luận vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận (Tham khảo bài viết trong SGK/ trang 175-176) II. LUYỆN TẬP Ở NHÀ Bài tập: Viết một đoạn văn nghị luận ngắn, trong đó vận dụng ít nhất 3 thao tác lập luận khác nhau và phải vận dụng kết hợp ít nhất 1 trong 4 phương thức biểu đạt (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh) để trình bày quan điểm của anh/chị về nét đặc sắc của thể loại văn chính luận qua tác phẩm <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh.
10	Chủ đề 1: Luyện tập viết văn nghị luận (tiếp theo) Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận	CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN I. LỖI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NÊU LUẬN ĐIỂM 1. Bài tập 1 (SGK/ trang 194) a. Việc nêu luận điểm chưa rõ ràng, nội dung trùng lặp mà không có sự nhấn mạnh hay phát triển ý b. Đoạn văn b: Luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng, không trình bày được đúng bản chất của vấn đề. c. Đoạn văn c: Luận điểm không rõ ràng, nhiều luận điểm nhưng không luận điểm nào được triển khai đầy đủ, chưa logic với các luận cứ nêu ra. 2. Bài tập 2 (SGK/ trang 194): - Đoạn văn a: nên thay từ “vắng vẻ” bằng một tính từ , một cụm từ khác khác để phù hợp với các luận cứ - Đoạn văn b: thay bằng luận điểm “Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh” - Đoạn văn c: Luận điểm cần sửa lại là “VHDG là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa” → Cần xác định rõ luận điểm khi trình bày (phù hợp với đối tượng nghị luận, dùng phương tiện ngôn ngữ phù hợp, cần chú ý đến tính lôgic, nhất quán của các luận điểm) II. LỖI LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN CỨ

			1. Bài tập 1 (SGK/ trang 195) - Lỗi nêu luận cứ: dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra chưa chính xác, mơ hồ. 2. Bài tập 2 (SGK/ trang 195) - Lỗi nêu luận cứ: luận cứ đưa ra thiếu chính xác, thiếu toàn diện. 3. Bài tập 3 (SGK/ trang 195) - Lỗi luận cứ: lộn xộn, không theo trình tự logic. - Luận cứ không phù hợp với luận điểm. → Để tạo một lập luận chặt chẽ cần nêu luận cứ rõ ràng, chính xác, các dẫn chứng cụ thể cần có xuất xứ, nguồn gốc tin cậy, phù hợp với luận điểm. III. LỖI VỀ CÁCH THỨC LẬP LUẬN 1. Bài tập 1 (SGK/ trang 195) - Lỗi về cách thức lập luận: trình bày luận cứ thiếu lôgic, lộn xộn. Hệ thống luận cứ không đủ làm sáng tỏ cho luận điểm chính. 2. Bài tập 2 (SGK/ trang 195) - Lỗi về cách thức lập luận: Luận điểm không rõ ràng. - Luận cứ thiếu toàn diện (chỉ tập trung vào “cái đối” trong tác phẩm viết về đề tài nông thôn và nông dân của Nam Cao) 3. Bài tập 3 (SGK/ trang 195) Luận điểm không rõ ràng, luận cứ không phù hợp với phạm vi đề tài. IV. LUYỆN TẬP Viết một đoạn văn nghị luận về đề tài liên quan đến một vấn đề có tính thời sự đang đặt ra một cách bức thiết trong đời sống. (Ví dụ: ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông, căn bệnh vô cảm, lạm dụng Công nghệ,...)
--	--	--	--

	11-12	Đọc thêm	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC (Phạm Văn Đồng) Phiếu học tập số 1 <table><tr><td>Những nét chính về tác giả</td><td></td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr><tr><td>Các luận điểm chính</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table> Phiếu học tập số 2 <table><tr><td>Phân mở bài</td><td></td></tr><tr><td>Phân Thân bài</td><td></td></tr><tr><td>Phân kết bài</td><td></td></tr><tr><td>Đặc sắc nghệ thuật</td><td></td></tr></table>		Những nét chính về tác giả		Hoàn cảnh sáng tác		Thể loại		Bố cục		Các luận điểm chính				Phân mở bài		Phân Thân bài		Phân kết bài		Đặc sắc nghệ thuật	
			Những nét chính về tác giả																					
			Hoàn cảnh sáng tác																					
			Thể loại																					
			Bố cục																					
			Các luận điểm chính																					
			Phân mở bài																					
			Phân Thân bài																					
			Phân kết bài																					
Đặc sắc nghệ thuật																								
THÔNG DIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS, 1-12-2003 (Cô-phi-an nan) Phiếu học tập số 1 <table><tr><td>Những nét chính về tác giả</td><td></td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr></table> Phiếu học tập số 2 <table><tr><td>Những mặt đã làm được</td><td></td></tr><tr><td>Những mặt chưa làm được</td><td></td></tr><tr><td>Nhiệm vụ trong thời gian sắp tới</td><td></td></tr><tr><td>Lời kêu gọi</td><td></td></tr><tr><td>Đặc sắc nghệ thuật</td><td></td></tr></table>		Những nét chính về tác giả		Hoàn cảnh sáng tác		Thể loại		Bố cục		Những mặt đã làm được		Những mặt chưa làm được		Nhiệm vụ trong thời gian sắp tới		Lời kêu gọi		Đặc sắc nghệ thuật						
Những nét chính về tác giả																								
Hoàn cảnh sáng tác																								
Thể loại																								
Bố cục																								
Những mặt đã làm được																								
Những mặt chưa làm được																								
Nhiệm vụ trong thời gian sắp tới																								
Lời kêu gọi																								
Đặc sắc nghệ thuật																								
MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ (Trích) Phiếu học tập số 1 <table><tr><td>Những nét chính về tác giả</td><td></td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr></table> Phiếu học tập số 2 <table><tr><td>Đặc trưng có bản của thơ</td><td></td></tr><tr><td>Sự khác nhau giữa ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ các thể loại văn học khác</td><td></td></tr></table>		Những nét chính về tác giả		Hoàn cảnh sáng tác		Thể loại		Bố cục		Đặc trưng có bản của thơ		Sự khác nhau giữa ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ các thể loại văn học khác												
Những nét chính về tác giả																								
Hoàn cảnh sáng tác																								
Thể loại																								
Bố cục																								
Đặc trưng có bản của thơ																								
Sự khác nhau giữa ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ các thể loại văn học khác																								

			Quan niệm thơ ca của Nguyễn Đình Thi		
			Đặc sắc nghệ thuật		
			ĐÔ-XTÔI-ÉP-KI (Trích)		

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN VĂN - KHỐI 12
TỪ 04/10/2021 ĐẾN 08/10/2021

Tuần	Tiết	Bài/ Chủ đề	Nội dung
5 04/10/2021 đến 08/10/2021	13	<i>Phong cách ngôn ngữ khoa học</i>	PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC
			Phiếu học tập
			Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học
			Văn bản khoa học
			Ngôn ngữ khoa học
			Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học
			Tính khái quát trừu tượng
			Tính lí trí logic
			Tính khách quan, phi cá thể
	14 - 15	<i>Tây Tiến</i>	TÂY TIẾN Quang Dũng
			I. TÌM HIỂU CHUNG
			1. Tác giả
			– Quang Dũng (1921-1988), là một nghệ sĩ đa tài : làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc, nhưng trước hết ông là nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa (đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài); thơ ông giàu chất nhạc, chất họa..
			– Tác phẩm chính: “ <i>Mây đầu ô</i> ”, “ <i>Thơ văn Quang Dũng</i> ”, “ <i>Đường lên Châu Thuận</i> ”...
			2. Tác phẩm
			a. Ý nghĩa nhan đề - hoàn cảnh sáng tác - xuất xứ:
			– Nhan đề <i>Tây Tiến</i>:
			+ Là tên một đơn vị quân đội được thành lập năm 1947.
			+ Nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt - Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào, cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam.
			+ Địa bàn đóng quân và hoạt động của Tây Tiến khá rộng từ vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam đến Thượng Lào.
			+ Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh sinh viên (như Quang Dũng). Họ chiến đấu trong những hoàn cảnh rất gian

			khô, vô cùng thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy, vẫn sống rất lạc quan và chiến đấu dũng cảm . + Đoàn quân Tây Tiến sau một thời gian hoạt động ở Lào trở về Hòa Bình thành lập trung đoàn 52. – Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ: + Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh, ông viết bài thơ “<i>Nhớ Tây Tiến</i>”, khi in lại, tác giả đổi tên bài thơ là “<i>Tây Tiến</i>”. + Đây là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ. Bài thơ được in trong tập “<i>Mây đầu ô</i>”. b. Giá trị tác phẩm Với cảm hứng và bút pháp lãng mạn tài hoa, với cách sử dụng ngôn từ đặc sắc, kết hợp chất nhạc và chất họa tài tình, QD đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên cái nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội và mĩ lệ. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ còn sức hấp dẫn lâu dài với người đọc. II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. Nhớ những cuộc hành quân gian khổ qua núi rừng miền tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội: (14 câu đầu) a. Nỗi nhớ da diết, bao trùm lên cả không gian và thời gian: <i>“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”</i> – Hình ảnh “<i>Sông Mã</i>”: thiên nhiên núi rừng miền tây. – Tiếng gọi: “<i>Tây Tiến ơi</i>”: dồn chứa tâm trạng triu mến, yêu thương → gợi hình ảnh đoàn quân đã từng thân thiết, gắn bó. – Điệp từ “<i>nhớ</i>” và từ láy “<i>chơi vơi</i>”: diễn tả đầy đủ trạng thái cảm xúc của tâm hồn nhà thơ, vẽ ra trạng thái cụ thể của nỗi nhớ, hình tượng hóa nỗi nhớ, khơi nguồn cho cảnh núi cao, dốc sâu, vực thẳm rừng dy, ... liên tiếp xuất hiện ở những câu thơ tiếp theo. → Tóm lại: Hai câu thơ vừa như lời tâm sự vừa như tiếng gọi tha thiết có tác dụng định hướng cảm xúc cho toàn bộ bài thơ. b. Bức tranh thiên nhiên miền tây : vừa hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt vừa vô cùng thơ mộng, trữ tình: – Vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội: + <u>Nhiều địa danh xa lạ</u>: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu ...gợi những vùng đất xa xôi, heo lánh.
--	--	--	---

		+ <u>Thời tiết</u> : sương núi, mưa rừng vô cùng khắc nghiệt: <i>“Sài Khao <u>sương lấp</u> đoàn quân mới Mường Lát hoa về trong đêm hơi”</i> Sương núi dày đặc, bao phủ cả núi rừng, che lấp cả đoàn quân. Người lính hành quân trong sương mù lạnh lẽo, mệt mỏi + <u>Địa hình</u>: nhiều đèo dốc, núi non hiểm trở: <i>“Dốc lên <u>khúc khuỷu</u> dốc <u>thăm thẳm</u> Heo hút <u>cồn mây</u> <u>súng gửi trời</u> Ngàn <u>thước</u> lên cao, ngàn <u>thước</u> xuống Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”</i> • Nhiều từ lấy tạo hình : gợi tả độ cao của dốc núi lởm, gập ghềnh càng lên cao càng hun hút, thăm thẳm vô cùng hiểm trở. • “<i>Súng gửi trời</i>”: nhân hoá → vừa gợi độ cao của núi, đồng thời cũng bộc lộ nét đẹp tâm hồn của chàng trai Hà Nội: trẻ trung, yêu đời, vô tư, tinh nghịch. • “<i>Cồn mây</i>”: Núi cao tưởng chạm vào mây, mây nổi thành cồn heo hút, người lính trèo lên những ngọn núi cao dường như đang đi trong mây mũi súng như chạm tới đỉnh trời: • “<i>Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống ...</i>” → đối lập : câu thơ như bị bẻ làm đôi, gợi tả hình ảnh dốc núi vút lên, đổ xuống gần như thẳng đứng: nhìn lên thì cao chót vót, nhìn xuống thì sâu thăm thẳm, lên đã khó, xuống lại càng nguy hiểm hơn. • Những câu thơ nhiều thanh trắc → gợi bao nỗi nhọc nhằn, vất vả trên đường hành quân • “<i>Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi</i>” : toàn thanh bằng khiến ta hình dung cảnh những người lính dừng chân bên một dốc núi, phóng tầm mắt ra một không gian xa, mưa mịt mù, thấp thoáng những ngôi nhà như bông bèo trôi giữa biển khơi. → Bốn câu thơ là bằng chứng “<i>thi trung hữu họa</i>”, là bức tranh hoành tráng diễn tả rất đạt sự hiểm trở, dữ dội, và hoang vu, heo hút của núi rừng miền Tây. + <u>Hoang sơ, bí ẩn</u>: Rừng núi thâm u nhiều thác ghềnh, thú dữ với biết bao hiểm nguy rình rập : <i>“Chiều chiều oai linh thác gầm thét Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”</i> – Hình ảnh người lính trên những chặng đường hành quân: chịu nhiều gian khổ, hi sinh nhưng khí phách vẫn hiên ngang, tâm hồn vẫn trẻ trung, lãng mạn. <i>“Anh bạn dãi dầu không bước nữa Gục lên súng mũ bỏ quên đời”</i> + Miêu tả rất chân thực: “<i>đoàn quân mới</i>”, “<i>dãi</i>
--	--	--

			dầu”, “không bước nữa”, “gục lên súng mũ”, “bỏ quên đời” → người lính kiệt sức vì đói rét, vì bệnh tật, mệt mỏi gục xuống trên những chặng đường hành quân. Gian khổ dường như đã quá sức chịu đựng của con người. + Nỗi đau mất mát, niềm cảm thương vô hạn đã được QĐ nói lên bằng giọng điệu ngang tàng kiêu hãnh nhằm vượt lên thực tại khắc nghiệt. – Sự thơ mộng, trữ tình mở ra một nét đẹp khác của miền Tây: Đoạn thơ kết thúc đột ngột bằng kỉ niệm đầm ấm tình quân dân, đó là khi đoàn quân đi qua những bản làng xa xôi, được dân chúng đón tiếp trong tình cảm yêu thương. “Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói Mai Châu mùa em thơm nếp xôi” + Hình ảnh “cơm lên khói” “thơm nếp xôi” : giàu sức gợi tả những người lính quây quần bên nồi cơm bốc khói thơm ngào ngạt mùi lúa mới → cảnh đầm ấm, vui tươi, khói cơm nghi ngút và hương thơm lúa nếp ngày mùa như xua tan vẻ mệt mỏi trên gương mặt những người lính khiến họ tươi tỉnh hẳn lên. + Hai câu thơ này tạo nên một cảm giác êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho người đọc bước sang đoạn thơ thứ hai. 2. Nhớ những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền tây thơ mộng (12 câu tiếp) a. Cảnh đêm liên hoan tưng bừng, rộn rã : “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa Kìa em xiêm áo tự bao giờ Kèn lên man điệu nàng e ấp Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”. Đêm liên hoan văn nghệ của những người lính Tây Tiến có sự góp mặt của đồng bào địa phương được miêu tả bằng những chi tiết rất thực mà cũng rất mộng: - Cảnh: + Ánh sáng: lung linh, lửa đuốc bập bùng (hội đuốc hoa) + Sắc màu: rực rỡ, lộng lẫy (xiêm áo) + Âm thanh: sôi nổi, rộn ràng (tiếng kèn, tiếng nhạc, tiếng hát, tiếng nói cười... tưng bừng rộn rã...) - Con người: + Những cô gái Tây Bắc: đẹp lộng lẫy trong xiêm áo rực rỡ, trong vẻ tình tứ “e ấp” với những vũ điệu mang đậm màu sắc xứ lạ (“man điệu”). + Những chàng trai Tây Tiến: ngỡ ngàng, mơ mộng, say đắm (“kìa em”, “xây hồn thơ”)
--	--	--	--

			→ Cảnh và người hòa quyện, Không khí vui tươi, ấm áp tình quân dân. b. Cảnh sông nước miền tây thơ mộng <i>“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy Có thấy hồn lau nẻo bến bờ Có nhớ dáng người trên độc mộc Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”</i> – Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc: <i>“chiều sương ấy”</i>: vừa gợi thời gian vừa gợi không gian: dòng sông, bến bờ mệnh mang trong một buổi chiều sương phủ huyền ảo, thơ mộng – Con người và thiên nhiên đẹp trong sự hài hòa: dáng hình mềm mại uyển chuyển của những cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc, và những cánh hoa rừng đong đưa làm duyên trên dòng nước lũ – <i>“Có nhớ” “có thấy”</i>: câu hỏi tu từ: tâm trạng thương nhớ, băng khuâng, lưu luyến. ⇒ Quang Dũng không tả mà chỉ gợi, bút pháp chấm phá tài hoa, chất thơ, chất nhạc hòa quyện. Xuyên qua cảnh vật là một hoài niệm tinh tế và sâu nặng, băng khuâng và da diết của tác giả với vùng đất gắn bó một thời cùng binh đoàn Tây Tiến. 3. Nhớ hình ảnh người lính Tây Tiến (8 câu tiếp) Hình tượng tập thể những người lính Tây tiến được miêu tả bằng bút pháp lãng mạn, đậm chất bi tráng: a. Vẻ đẹp lãm liệt, hào hùng: Bút pháp lãng mạn khiến chân dung người lính Tây Tiến toát lên vẻ đẹp phi thường, khác lạ: <i>“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm.</i> – Hình ảnh; <i>“đoàn binh không mọc tóc”</i> , <i>“quân xanh màu lá”</i> → hiện thực tàn khốc: những người lính Tây Tiến ăn đói mặc rét, gian khổ, khó khăn đến cùng cực, và bệnh sốt rét hoành hành khiến họ phải xanh da, rụng tóc. – Mượn hình ảnh ẩn dụ để gợi tả chất kiêu hùng: đối lập giữa cái yếu đuối về thể chất (xanh xao tiêu tụy) là sức mạnh của tinh thần, ý chí, ngang tàng, lãm liệt <i>“dữ oai hùm”</i>. b. Vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn <i>“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”.</i> Ở những người lính Tây Tiến, ta thấy vẻ đẹp của bản lĩnh, nét can trường hài hòa với trái tim đa cảm, mộng mơ: + Khát vọng lập công cháy bỏng hướng về tiền phương với giấc mộng chiến trường <i>“gửi mộng qua biên giới”</i>.
--	--	--	---

		+ Tâm hồn lãng mạn, hào hoa, luôn rạo rức khao khát yêu đương: “<i>mơ Hà Nội đáng kiêu thơm</i>” → khát vọng tình yêu, hạnh phúc. (Có thể so sánh thêm về nỗi nhớ của người lính xuất thân từ nông dân trong bài “<i>Nhớ</i>” của Hồng Nguyên và bài “<i>Đồng chí</i>” của Chính Hữu). c. Về vẻ bi tráng “<i>Rải rác biên cương mồ viễn xứ</i> <i>Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh</i> <i>Áo bào thay chiếu anh về đất</i> <i>Sông Mã gầm lên khúc độc hành</i>” – Sự bi thương: + Người lính phải hi sinh nơi rừng hoang biên giới, di hài phiêu bạt nơi đất khách quê người. + Khi chôn cất không có cả manh chiếu để bọc thân. – Cái hùng tráng được thể hiện ở: + Những từ Hán Việt trang trọng + Lí tưởng quên mình, cống hiến đời xanh cho Tổ Quốc, phảng phất chí khí anh hùng của người tráng sĩ xưa coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. + Cách nói sang trọng “<i>áo bào thay chiếu anh về đất</i>”. + Âm hưởng trầm hùng của tiếng “<i>gầm</i>” con sông Mã. – Giọng điệu chủ đạo của đoạn thơ này là trang trọng, thể hiện tình cảm đau thương vô hạn và sự trân trọng, kính cẩn của nhà thơ trước sự hi sinh của đồng đội. 4. Nhớ lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền tây (4 câu cuối) “<i>Tây Tiến người đi không hẹn ước</i> <i>Đường lên thăm thẳm một chia phôi</i> <i>Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy</i> <i>Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.</i>” – Bốn câu thơ đã tô đậm thêm không khí chung, tinh thần chung của một thời Tây Tiến: tinh thần “Một đi không trở lại”, “Quyết tử cho Tổ Quốc”. – Nhịp thơ chậm, giọng thơ buồn, nhưng linh hồn của đoạn thơ thì vẫn toát lên vẻ hào hùng, bi tráng. 5. Nghệ thuật đặc sắc – Cảm hứng và bút pháp lãng mạn tài hoa. – Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt... – Kết hợp chất nhạc và chất họa. III. TỔNG KẾT Bằng bút pháp vừa hiện thực vừa lãng mạn, Quang Dũng diễn đạt tài tình nỗi gian khổ trên những con đường hành quân của binh đoàn Tây Tiến, dựng
--	--	---

			lên được hình tượng vô cùng đẹp đẽ về người lính với hào khí ngất trời trong chiến đấu và nét hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn. Bức tượng đài người lính Tây Tiến được khắc tạc bằng cả tình yêu của Quang Dũng đối với những người đồng đội, đối với đất nước của mình.
--	--	--	---